

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: *615* /ĐHTCQTKD – CTSV

Hưng Yên, ngày *09* tháng *10* năm 2023

Về việc hướng dẫn xin miễn giảm học phí
năm học 2023 - 2024

Kính gửi: Cố vấn học tập các lớp sinh viên các Khóa

Căn cứ Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo

Phòng Công tác sinh viên đề nghị các đồng chí Cố vấn học tập các lớp sinh viên hướng dẫn cho sinh viên trong lớp thuộc đối tượng được miễn, giảm học phí, trợ cấp xã hội nộp hồ sơ miễn, giảm học phí để Nhà trường hoàn trả lại tiền học phí, trợ cấp cho sinh viên, cụ thể như sau:

I. Các đối tượng được miễn giảm học phí.

1. Đối tượng được miễn học phí:

a) Người có công với cách mạng và thân nhân của người có công với cách mạng theo Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng số 26/2005/PL-UBTVQH11 ngày 29 tháng 6 năm 2005, Pháp lệnh số 04/2012/UBTVQH13 ngày 16 tháng 7 năm 2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng. Cụ thể:

- Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, bệnh binh;

- Con của người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945, con của người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945, con của Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, con của Anh hùng Lao động trong thời kỳ kháng chiến, con của liệt sỹ, con của thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, con của bệnh binh, con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học.

b) Sinh viên bị tàn tật, khuyết tật thuộc diện hộ cận nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ: Chuẩn hộ cận nghèo được thực hiện theo quy định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo từng thời kỳ (*Hiện nay đang được thực hiện theo nghị định số 07/2021/NĐ-CP của Thủ tướng Chính phủ về việc Quy chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025*).

c) Người từ 16 tuổi đến 22 tuổi thuộc một trong các trường hợp sau: Đang học đại học văn bằng thứ nhất:

- Bị bỏ rơi chưa có người nhận làm con nuôi;
- Mồ côi cả cha và mẹ;
- Mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại mất tích theo quy định của pháp luật;
- Mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội;

- Mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc;

- Cả cha và mẹ mất tích theo quy định của pháp luật;

- Cả cha và mẹ đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội;

- Cả cha và mẹ đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc;

- Cha hoặc mẹ mất tích theo quy định của pháp luật và người còn lại hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội;

- Cha hoặc mẹ mất tích theo quy định của pháp luật và người còn lại đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc;

- Cha hoặc mẹ đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội và người còn lại đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc.

d) Sinh viên học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo. Chuẩn hộ nghèo và hộ cận nghèo được thực hiện theo quy định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo từng thời kỳ

e) Sinh viên người dân tộc thiểu số rất ít người ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn. Cụ thể:

- Người dân tộc thiểu số rất ít người bao gồm: La Hủ, La Ha, Pà Thèn, Lự, Ngái, Chứt, Lô Lô, Mảng, Cống, Cờ Lao, Bó Y, Si La, Pu Péo, Rơ Măm, BRâu, Ó Đu.

- Vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn được quy định:

Cụ thể:

1. Quyết định số 164/2006/QĐ-TTg ngày 11 tháng 7 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư Chương trình phát triển kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc và miền núi giai đoạn 2006-2010 (Chương trình 135 giai đoạn II);

2. Quyết định số 69/2008/QĐ-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt bổ sung danh sách xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư Chương trình 135 giai đoạn II và danh sách xã ra khỏi diện đầu tư của Chương trình 135 giai đoạn II;

3. Quyết định số 01/2008/QĐ-UBDT ngày 11 tháng 01 năm 2008 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc về việc phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn thuộc xã khu vực II vào diện đầu tư của Chương trình 135 giai đoạn II;

4. Quyết định số 1105/QĐ-TTg ngày 28 tháng 7 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt bổ sung danh sách xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện Chương trình 135 giai đoạn II và danh sách xã hoàn thành mục tiêu, ra khỏi diện đầu tư của Chương trình 135 giai đoạn II;

5. Quyết định số 325/QĐ-UBND ngày 19 tháng 10 năm 2009 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc về việc phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn thuộc xã khu vực II vào diện đầu tư của Chương trình 135 giai đoạn II;

6. Quyết định số 30/2007/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục các đơn vị hành chính thuộc vùng khó khăn và các Quyết định bổ sung khác của Thủ tướng Chính phủ.

7. Quyết định số 539/QĐ-TTg ngày 01 tháng 4 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Danh sách các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo giai đoạn 2013-2015;

8. Quyết định số 2405/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của Chương trình 135 năm 2014 và năm 2015;

9. Quyết định số 582/QĐ-UBND ngày 18 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn vùng dân tộc và miền núi vào diện đầu tư của Chương trình 135;

10. Quyết định số 495/QĐ-TTg ngày 8/4/2014 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung Quyết định số 2405/QĐ-TTg ngày 10/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của Chương trình 135 năm 2014 và năm 2015.

11. Quyết định số 1049/QĐ-TTg ngày 26/6/2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục các đơn vị hành chính thuộc vùng khó khăn;

12. Các xã thuộc huyện nghèo theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 62 huyện nghèo và Quyết định số 1791/QĐ-TTg ngày 01/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc bổ sung huyện Nậm Nhùn tỉnh Lai Châu; huyện Nậm Pồ, tỉnh Điện Biên vào danh mục các huyện nghèo được hưởng các cơ chế, chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 62 huyện nghèo.

Các quyết định khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hoặc quy định mới về danh sách các xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn (nếu có).

Khi cấp có thẩm quyền ban hành Quyết định phê duyệt danh sách các xã, thôn hoàn thành mục tiêu chương trình thì đối tượng thuộc phạm vi các xã, thôn đó không được hưởng chế độ kể từ khi Quyết định có hiệu lực thi hành.

2. Đối tượng được giảm học phí:

a) Các đối tượng được giảm 70% học phí gồm:

- Sinh viên là người dân tộc thiểu số (không phải là dân tộc thiểu số rất ít người) ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của cơ quan có thẩm quyền. Cụ thể:

+ Người dân tộc thiểu số (không phải là dân tộc thiểu số rất ít người theo quy định tại khoản e mục 1 ở trên)

+ Vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn: được quy định tại khoản e mục 1 ở trên (trừ các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn).

b) Các đối tượng được giảm 50% học phí gồm:

- Sinh viên là con cán bộ, công nhân, viên chức mà cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên.

3. Đối tượng trợ cấp xã hội

a) Sinh viên là người dân tộc ít người ở vùng cao, vùng sâu và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

b) Sinh viên mồ côi cả cha và mẹ, không nơi nương tựa, không có nguồn chu cấp thường xuyên.

c) Sinh viên là người tàn tật theo quy định của Nhà nước tại Nghị định số 81/CP ngày 23/11/1995 là người gặp khó khăn về kinh tế, khả năng lao động bị suy giảm từ 41% trở lên do tàn tật.

d) Sinh viên thuộc đối tượng hộ Nghèo.

II. Hồ sơ miễn giảm học phí, trợ cấp xã hội:

1. Người có công với cách mạng và thân nhân của người có công với cách mạng theo Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng số 26/2005/PL-UBTVQH11 ngày 29 tháng 6 năm 2005, Pháp lệnh số 04/2012/UBTVQH13 ngày 16 tháng 7 năm 2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng.

- Đơn đề nghị miễn giảm học phí (*theo mẫu*);

- Bản sao thẻ thương binh, bệnh binh, người hưởng chính sách như Thương bệnh binh;

- Giấy xác nhận là con của thương, bệnh binh, người hưởng chính sách như Thương bệnh binh do Phòng Lao động Thương binh - Xã hội cấp.

2. Sinh viên bị tàn tật, khuyết tật có khó khăn về kinh tế.

- Đơn đề nghị miễn giảm học phí (*theo mẫu*);

- Bản sao công chứng Giấy xác nhận SV là người tàn tật, khuyết tật suy giảm khả năng lao động do bệnh viện cấp quận, huyện, thị xã cấp;

- Giấy xác nhận của Hội đồng xét duyệt xã, phường, thị trấn công nhận SV có hoàn cảnh khó khăn về kinh tế hoặc giấy chứng nhận hộ nghèo hoặc cận nghèo.

3. Sinh viên mồ côi cả cha lẫn mẹ không nơi nương tựa.

- Đơn đề nghị miễn giảm học phí (*theo mẫu*);

- Giấy xác nhận là SV mồ côi cả cha lẫn mẹ do UBND cấp xã cấp;

- Kết luận của Hội đồng xét duyệt trợ cấp xã hội cấp xã.

4. Sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo theo quy định của Thủ tướng chính phủ.

- Đơn đề nghị miễn giảm học phí (*theo mẫu*);

- Bản sao công chứng sổ hộ khẩu gia đình;

- Bản sao giấy khai sinh;

- Giấy chứng nhận hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo theo năm xét duyệt hồ sơ do UBND xã (phường) cấp cho gia đình SV.

5. Sinh viên người dân tộc thiểu số rất ít người ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn (Danh sách 16 dân tộc rất ít người gồm: La Hủ, La

Ha, Pà Thèn, Lự, Ngái, Chút, Lô Lô, Mảng, Cơ Lao, Bô Y, Cống, Si La, Pu Péo, Rơ Măm, Brâu, O Đu).

- Đơn đề nghị miễn giảm học phí (*theo mẫu*);
- Bản sao công chứng sổ hộ khẩu gia đình;
- Bản sao giấy khai sinh;
- Giấy chứng nhận dân tộc thiểu số rất ít người, ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn của Ủy ban dân tộc xã cấp.

6. Sinh viên là người dân tộc thiểu số (không phải là dân tộc thiểu số rất ít người) ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

- Đơn đề nghị miễn giảm học phí (*theo mẫu*);
- Bản sao công chứng sổ hộ khẩu gia đình;
- Bản sao công chứng giấy khai sinh;
- Giấy chứng nhận dân tộc thiểu số, ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn của Ủy ban dân tộc xã cấp.

7. Sinh viên là con cán bộ, công nhân, viên chức mà cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên.

- Đơn đề nghị miễn giảm học phí (*theo mẫu*);
- Bản sao công chứng sổ hộ khẩu gia đình;
- Bản sao công chứng sổ hưởng trợ cấp hàng tháng của bố, mẹ do tổ chức bảo hiểm xã hội cấp.

8. Sinh viên thuộc diện trợ cấp xã hội.

a) Sinh viên là người dân tộc ít người ở vùng cao, vùng sâu và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

- Đơn xin hưởng trợ cấp xã hội (*theo mẫu*);
- Bản sao giấy khai sinh
- Bản sao sổ hộ khẩu công chứng
- Giấy chứng nhận của UBND xã/phường/thị trấn về hộ khẩu thường trú ở vùng cao, vùng sâu và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn ít nhất từ 3 năm trở lên.

b) Sinh viên mồ côi cả cha và mẹ, không nơi nương tựa, không có nguồn chu cấp thường xuyên.

- Đơn xin hưởng trợ cấp xã hội (*theo mẫu*);
- Bản sao giấy khai sinh
- Giấy xác nhận mồ côi cả cha lẫn mẹ của UBND xã/ phường/ thị trấn nơi đăng ký hộ khẩu thường trú về hoàn cảnh kinh tế khó khăn, không có nguồn cung cấp tài chính thường xuyên.

c) Sinh viên là người tàn tật theo quy định của Nhà nước tại Nghị định số 81/CP ngày 23/11/1995 là người gặp khó khăn về kinh tế, khả năng lao động bị suy giảm từ 41% trở lên do tàn tật.

- Đơn xin hưởng trợ cấp xã hội (*theo mẫu*);
- Bản sao công chứng Giấy xác nhận SV là người tàn tật, khuyết tật suy giảm khả năng lao động do bệnh viện cấp quận, huyện, thị xã cấp;

- Giấy xác nhận của Hội đồng xét duyệt xã, phường, thị trấn công nhận SV có hoàn cảnh khó khăn về kinh tế hoặc giấy chứng nhận hộ nghèo hoặc cận nghèo

d) Sinh viên thuộc đối tượng hộ Nghèo.

- Đơn xin hưởng trợ cấp xã hội (theo mẫu);

- Giấy chứng nhận hộ nghèo năm 2023 do cấp có thẩm quyền cấp.

* Chi tiết giấy tờ liên quan đến từng đối tượng sinh viên xem trên Website của Trường hoặc hỏi trực tiếp Phòng Công tác sinh viên.

- Thời gian nhận hồ sơ: **Từ 09/10/2023 đến hết ngày 20/11/2023.**

- Mọi chi tiết liên hệ thầy: Nguyễn Đức Trung phòng CTSV, sdt : 0979.660.327;

- Thời gian nhận lại tiền học phí sau khi thẩm định xong hồ sơ;

- Địa điểm: Lấy đơn theo mẫu bản mềm do Phòng CTSV gửi cho các CVHT;

- Nộp hồ sơ : Tại phòng công tác sinh viên 2 cơ sở.

- Lưu ý : Sinh viên nộp hồ sơ xin miễn giảm học phí, trợ cấp, phải nộp 02 bản, 01 bản lưu tại nhà Trường, 01 bản nhà Trường sẽ gửi cho Kho bạc nhà nước huyện Văn Lâm.

Nơi nhận:

- Ban giám hiệu;
- Cố vấn học tập các lớp;
- Cổng thông tin điện tử;
- Lưu: VT, CTSV.

TR. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG PHÒNG CÔNG TÁC SINH VIÊN
TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH QUẢN TRỊ
KINH DOANH
BỘ
CHÍNH
Ths. Nguyễn Việt Hưng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ

(Dùng cho học sinh, sinh viên đang học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học công lập)

Kính gửi: Trường Đại học Tài chính – Quản trị kinh doanh

Họ và tên:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Nơi sinh:.....

Lớp:..... Khóa:.....Khoa:.....

Mã số sinh viên:.....

Thuộc đối tượng: *(ghi rõ đối tượng được quy định tại Nghị định 81/2021/NĐ-CP).*

.....

.....

.....

Căn cứ vào Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ, tôi làm đơn này đề nghị được Nhà trường xem xét để được miễn, giảm học phí theo quy định.

Xác nhận của Phòng CTSV

Hưng Yên, ngày ... tháng ... năm.....

Người làm đơn

(Ký tên và ghi rõ họ tên)

**BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

ĐƠN XIN HƯỞNG TRỢ CẤP XÃ HỘI

Kính gửi: Ban giám hiệu trường Đại học Tài chính – QTKD

(Thông qua Phòng Công tác sinh viên)

Tên em là :

Ngày sinh :Quê quán :

Sinh viên lớp :, Khóa học :

Em xin trình bày với Ban giám hiệu & Phòng Công tác sinh viên một việc như sau :

Gia đình em thuộc diện:.....

Em viết đơn này kính mong Ban giám hiệu xem xét cho em được hưởng trợ cấp xã hội theo quy định của Nhà nước.

Em xin chân thành cảm ơn!

Hung Yên, ngày tháng.... năm.....

Sinh viên